

Số: **23** /2019/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày **02** tháng **5** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 ngày 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 ngày 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (Thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP), cụ thể:

1. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Với mức



mức bồi thường như sau: Đối với nhà, vật kiến trúc tự xây dựng được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà tại thời điểm xây dựng thì hỗ trợ 100% theo giá quy định; trường hợp không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà thì hỗ trợ 80% theo giá quy định.

2. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước bị phá dỡ được thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của Chính phủ về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê; trường hợp đặc biệt không có nhà tái định cư để bố trí thì được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới; mức hỗ trợ bằng 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà đang thuê.

Đơn giá xây dựng nhà áp dụng theo Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này.”

2. Bổ sung Điều 28a như sau:

“Điều 28a. Hỗ trợ đối với đất đất vườn, ao không được công nhận đất ở

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm còn được hỗ trợ bằng tiền theo quy định sau đây:

a) Bằng 50% giá đất ở trong cùng thửa đất có nhà ở của hộ gia đình, cá nhân sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

b) Bằng 30% giá đất ở trong cùng thửa đất có nhà ở của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau;

2. Diện tích đất được hỗ trợ theo điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được tính theo diện tích thực tế bị thu hồi nhưng tối đa không quá 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở mới tại địa phương.”

3. Bổ sung Điều 28b như sau:

“Điều 28b. Hỗ trợ đối với nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp, đất hoang, đất do UBND phường, xã quản lý, hộ gia đình khai hoang và đã sử dụng ổn định, thường xuyên vào mục đích đất ở, không bị xử lý vi phạm hành chính thì được xem xét hỗ trợ, như sau:

a) Trường hợp nhà, vật kiến trúc được xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, mức hỗ trợ 80% đơn giá theo quy định tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 ngày 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng;

b) Trường hợp nhà, vật kiến trúc được xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, mức hỗ trợ 50% đơn giá theo quy định tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 ngày 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng.”

4. Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 29. Hỗ trợ khi thu hồi đất do UBND các xã, phường quản lý

1. Việc hỗ trợ khi thu hồi đất công ích do UBND xã, phường quản lý theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, như sau:

a) Đối với đất nông nghiệp do UBND xã, phường quản lý giao cho hộ gia đình, cá nhân canh tác thì được hỗ trợ 100% theo giá đất nông nghiệp; trong đó, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng canh tác được hỗ trợ 60% và UBND xã, phường được hỗ trợ 40% (số tiền hỗ trợ 40% cho UBND xã, phường được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường);

b) Đối với đất nông nghiệp do UBND xã, phường quản lý chưa cho thuê hoặc giao để sản xuất thì được hỗ trợ 100% theo giá đất nông nghiệp, số tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường.

2. Trường hợp thu hồi đất do UBND xã, phường quản lý nhưng không thuộc quỹ đất công ích, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp được UBND xã, phường xác nhận canh tác thường xuyên, ổn định trước thời điểm công bố quy hoạch thì được hỗ trợ 60% theo giá đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng để sản xuất (không hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, ổn định đời sống).”

5. Sửa đổi tiêu đề khoản 8 Điều 49 như sau:

“8. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.”

6. Điều 50 được sửa đổi như sau:

“Điều 50. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng triển khai tập huấn, hướng dẫn thực hiện quy định này.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

1. Các nội dung khác tại Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố không trái với quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

2. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Chủ tịch UBND các phường, xã; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai thành phố; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố;

Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng quận Hải Châu và quận Thanh Khê; Ban giải phóng mặt bằng các quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Liên Chiểu và huyện Hòa Vang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *me*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, XD, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND thành phố
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- CT, PCT, UV UBND thành phố;
- UBND TP. HCM;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Sở Tư pháp, Thanh tra thành phố;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Báo Đà Nẵng, Đài PTTH Đà Nẵng;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, STNMT, NCPC, QLĐTh, TH.

170

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thọ